

Số: 28/NQ-HĐND

Mường Khiêng, ngày 18 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

Về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước cho các cơ quan,  
đơn vị thực hiện các nhiệm vụ năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG KHIÊNG  
KHOÁ XXI, KỶ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025 ; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 142/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026; Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026; Nghị quyết số 596/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La về phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách xã, phường năm 2026;

Căn cứ Quyết định Số: 3188/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026; Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Mường Khiêng; Báo cáo thẩm tra số 06 /BC-KTNS ngày 17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã; Ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước xã năm 2026, như sau:

<b>1. Thu ngân sách Nhà nước:</b>	<b>176.726 triệu đồng.</b>
1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	670 triệu đồng.
- Thu điều tiết ngân sách Trung ương, tỉnh:	0 triệu đồng.
- Thu ngân sách địa phương được hưởng:	670 triệu đồng.
1.2. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh:	176.056 triệu đồng.

<b>2. Chi ngân sách Nhà nước:</b>	<b>176.726 triệu đồng.</b>
2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	0 triệu đồng.
2.2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0 triệu đồng.
<b>2.3. Chi thường xuyên:</b>	<b>176.726 triệu đồng.</b>
- Chi sự nghiệp kinh tế	5.498 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo	112.235 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Truyền thanh - Truyền hình	906 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp y tế	5.899 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội	17.941 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	25.557 triệu đồng.
- Chi quốc phòng - an ninh	4.795 triệu đồng.
- Chi khác	360 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách	3.535 triệu đồng.
- Giảm trừ 10% số tiết kiệm chi CCTL trong dự toán chi TX	2.328 triệu đồng.

(có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

### **3. Giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026**

#### **3.1. Thu ngân sách**

- Thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp thu đối với các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc thu nộp và truy thu nộp ngân sách số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp khác của các hộ kinh doanh. Phần đầu dự toán thu trên địa bàn tăng tối thiểu bằng số dự toán UBND tỉnh giao năm 2026 so với đánh giá ước thực hiện năm 2025 (loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách và các khoản thu mới phát sinh) và tăng theo chỉ tiêu phân đầu tỉnh giao để tạo nguồn thu đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán, nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I và các nhiệm vụ cấp thiết, cấp bách khác.

- Thu ngân sách đảm bảo nguyên tắc: Tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, tăng thu từ tiền sử dụng đất, thu triệt để các khoản thu mới phát sinh; phần đầu giảm nợ thuế dưới 5% thu NSNN trên địa bàn năm 2026. Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, tiêu thụ nông sản hàng hóa; tập trung cao trong công tác GPMB.

- Tăng cường công tác kiểm tra thuế, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào Ngân sách Nhà nước. Rà soát, khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (*đất đai, tài nguyên, tài sản...*) nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế xã hội.

### **3.2. Chi ngân sách**

- Điều hành quyết liệt, quản lý chi NSNN năm 2026 chặt chẽ, hiệu quả, linh hoạt, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Thực hiện rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; tiết kiệm triệt để ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 05/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí và điều hành dự toán chi đầu tư phát triển trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và năm 2026.

- Chi thường xuyên trên cơ sở dự toán được bố trí đúng định mức, nguyên tắc, tiêu chí, tỷ lệ tiết kiệm, đảm bảo yêu cầu tăng tự chủ, tinh giản biên chế và tạo nguồn cải cách tiền lương, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Bố trí dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực chi NSDP chặt chẽ, tiết kiệm, giảm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết; ưu tiên nguồn lực đảm bảo quốc phòng - an ninh; bảo đảm xã hội và phát triển các sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính ngân sách của các cơ quan, đơn vị; quan tâm thực hiện công tác tự kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng của nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ tài khoản, các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các dự án sau đầu tư.

- Đẩy mạnh thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Mường Khiêng khoá XXI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND xã;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND và Đại biểu HĐND xã khoá XXI;
- Công thông tin điện tử xã;
- Các cơ quan, đơn vị trong xã;
- Lưu: VT, KT (Thu 120b).



**CHỦ TỊCH**

**Đình Mạnh Hùng**



## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ - HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mường Khiêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	Trong đó			So sánh tỷ lệ (%) DT xã/ DT tỉnh giao 2026	So sánh tỷ lệ (%) DT xã giao 2026
					Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>196.397</b>	<b>176.726</b>	<b>176.726</b>	-	-	<b>176.726</b>	<b>100,0%</b>	<b>90,0%</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách tại địa bàn</b>	<b>37</b>	<b>670</b>	<b>670</b>	-	-	<b>670</b>	<b>100,0%</b>	<b>1810,8%</b>
1	Thu từ khu vực DN địa phương			-			-		
2	Thu từ khu vực CTN - NQD	3	20	20			20	100,0%	666,7%
3	Lệ phí trước bạ		600	600			600	100,0%	
4	Thu phí và lệ phí	29	17	17			17	100,0%	58,6%
5	Thu tiền sử dụng đất			-			-		
6	Thuế thu nhập cá nhân	5	13	13			13	100,0%	260,0%
7	Thu tiền thuê đất, mặt nước			-			-		
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước			-			-		
9	Thu khác ngân sách		20	20			20	100,0%	
10	Thu từ quỹ đất công ích			-			-		
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung cân đối</b>	<b>196.360</b>	<b>176.056</b>	<b>176.056</b>			<b>176.056</b>	<b>100,0%</b>	<b>89,7%</b>

### Ghi chú:

0

Tổng thu ngân sách trên địa bàn không bao gồm:

- Thu học phí
- Thu sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình
- Các khoản thu đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ - HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Muong Khieng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán xã năm 2025	Dự toán năm 2026		So sánh tỷ lệ (%) DT năm 2025
			Dự toán tỉnh giao	Dự toán xã giao	
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>207.404</b>	<b>174.398</b>	<b>174.398</b>	<b>84,1%</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ XDCB</b>	-	-	-	
1	Nguồn cấp quyền sử dụng đất				
2	Chi đầu tư XDCB tập trung		-	-	
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>184.120</b>	<b>176.726</b>	<b>176.726</b>	<b>96,0%</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	819	5.498	5.498	671,7%
2	Chi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo	112.446	112.235	112.235	99,8%
3	Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Truyền thanh - Truyền hình	96	906	906	943,8%
4	Chi sự nghiệp Y tế		5.899	5.899	
5	Chi đảm bảo xã hội	9.990	17.941	17.941	179,6%
6	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể,	54.067	25.557	25.557	47,3%
7	Chi quốc phòng - an ninh	3.465	4.795	4.795	138,4%
8	Chi khác	593	360	360	60,7%
9	Dự phòng ngân sách	2.644,0	3.535	3.535	133,7%
10	Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng các CTMTQG				
11	Chi từ nguồn thu quỹ đất công ích				
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>23.283,9</b>	-	-	<b>0,0%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	-	<b>2.328</b>	<b>2.328</b>	

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ - HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mường Khiêng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Trương đổi (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>196.397</b>	<b>207.762</b>	<b>176.726</b>	<b>(31.036)</b>	<b>85,1%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>37</b>	<b>53,65</b>	<b>670</b>	<b>616</b>	<b>1248,9%</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	37	53,65	670	616	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				-	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>196.359,6</b>	<b>196.359,6</b>	<b>176.056</b>	<b>(20.304)</b>	<b>89,7%</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	80.891,3	80.891,3	176.056	95.165	217,6%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	115.468,3	115.468,3	-	(115.468)	0,0%
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ</b>				-	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>			-	-	
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>			-	-	
<b>VI</b>	<b>Các khoản huy động đóng góp</b>				-	
<b>VII</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>259</b>		<b>(259)</b>	
<b>VIII</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>11.090</b>		<b>(11.090)</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>207.404</b>	<b>205.545</b>	<b>176.726</b>	<b>(30.678)</b>	<b>85,2%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>184.120</b>	<b>184.120</b>	<b>176.726</b>	<b>(7.394)</b>	<b>96,0%</b>
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên	181.476	181.476	170.863	(10.613)	94,2%
	<i>Trong đó: Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>					
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				-	
5	Dự phòng ngân sách	2.644	2.644	3.535	891	133,7%
6	Chi bổ sung dự phòng			-	-	
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			2.328	2.328	
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>23.284</b>	<b>21.425</b>	<b>-</b>	<b>(23.284)</b>	<b>0,0%</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	23.284	21.425	-	(23.284)	0,0%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				-	
<b>III</b>	<b>Chi các khoản đóng góp</b>				-	
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				-	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)</b>				-	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)</b>				-	
<b>I</b>	<b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>				-	
<b>II</b>	<b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh</b>				-	
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)</b>				-	
<b>I</b>	<b>Vay để bù đắp bội chi</b>				-	





Biểu mẫu số 16

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ - HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mường Khiêng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	196.396,6	196.396,6	176.726,0	176.726,0	90,0%	90,0%
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	37	37	670	670	1810,8%	1810,8%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-	-	-	-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3	3	20	20	666,7%	666,7%
5	Thuế thu nhập cá nhân	5	5	13	13	260,0%	260,0%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	-		600	600		
8	Thu phí, lệ phí	29	29	17	17	58,6%	58,6%
-	Phí và lệ phí trung ương						
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí huyện						
-	Phí và lệ phí xã, phường						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	-	-	-	-		
12	Thu tiền sử dụng đất	-		-			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	-		-			



STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
16	Thu khác ngân sách	-	-	20	20		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	-	-	-		
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>						
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>			-	-		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>196.360</b>	<b>196.360</b>	<b>176.056</b>	<b>176.056</b>	<b>89,7%</b>	<b>89,7%</b>
1	Thu bổ sung cân đối	80.891,3	80.891	176.056	176.056	217,6%	217,6%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	115.468,3	115.468				



Biểu mẫu số 17

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ - HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mường Khiêng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	207.404	176.726	(7.394)	85,2%
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	184.120	176.726	(7.394)	96,0%
I	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>	-	-	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn XDCB	-	-	-	-
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
+	Chi cho các dự án	-	-	-	-
+	Chi từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-
II	<b>Chi thường xuyên</b>	181.476	170.863	(10.613)	94,2%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	112.446	112.235	(211)	99,8%
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	-	-	-	-
3	Chi thường xuyên từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Chi công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)	-	-	-	-
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	-	-	-	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	-	-	-	-
V	Dự phòng ngân sách	2.644	3.535	891	133,7%
VI	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	-	2.328	2.328	-
B	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	23.284	-	-	0,0%
C	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>	-	-	-	-